TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số*:* **38/2023/DS-PT**
Ngày: **13.02.2023**
V/v "T/c BTTH ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đặt đường dẫn nước".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Bích Hải**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Liên**

Bà **Hà Thị Phương Thanh**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 406/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đặt đường dẫn nước"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 08/09/2022 của Tòa án nhân dân quận BT. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1/ Ông **Trần V.Tr.**, sinh năm 1970.

2/ Bà **Nguyễn T.G.**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 12, khu vực TT., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ.

3/ Bà **Võ Thị H.Tr.**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 267/11, tổ 8, khu vực TL., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn T.G. ủy quyền cho ông Trần V.Tr. theo văn bản ủy quyền số chứng thực 3637 quyển số 01 SCT/CK, ĐC ngày 09/6/2021 tại Văn phòng Công chứng 24h, thành phố Cần Thơ.

Bà Võ Thị H.Tr. ủy quyền cho ông Trần V.Tr. theo văn bản ủy quyền số chứng

thực 3734 quyển số 01 SCT/CK, ĐC ngày 14/6/2021 tại Văn phòng Công chứng 24h, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Dương V.Th.**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 7, khu vực TT., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*: Ông Dương V.M., sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 12, khu vực TT., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn T.Th., sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 19, khu vực TT., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương V.Th..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần V.Tr. đồng thời đại diện của các nguyên đơn trình bày: Ông Trần V.Tr. và bà Võ Thị H.Tr. đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CX 650152, số vào sổ: CS08002, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/9/2020, thửa đất số 391, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.315,3 m^2, loại đất trồng lúa. Bà Nguyễn T.G. đứng tên giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 650929, số vào sổ: CS08002, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/10/2022, thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.315,4 m^2, loại đất trồng lúa. Để dẫn nước ra vào canh tác nông nghiệp, vào ngày 11/10/2020 gia đình nguyên đơn có đặt ống bọng để mục đích cấp và thoát nước ra rạch, chuẩn bị sạ lúa cho vụ đông xuân năm 2021. Nguyên đơn cho rằng đất của nguyên đơn chỉ giáp đường đi là đất công cộng, sau đó đến rạch mà không có phần đất nào giáp với đất ông V.Th. và việc phía nguyên đơn đặt ống bọng để canh tác đất nông nghiệp là hoàn toàn không xâm phạm đến quyền lợi của bị đơn. Ngày 25/10/2020, bị đơn đã phá hủy phần ống bọng của gia đình nguyên đơn, ngăn cản không cho các nguyên đơn đặt ống bọng trên phần đất từ ruộng gia đình nguyên đơn xuống rạch. Việc bị đơn cho rằng đây là phần đất của bị đơn do cha bị đơn để lại là không có cơ sở. Các nguyên đơn đã không thể sạ lúa, gây thiệt hại. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở đặt đường dẫn nước (hay gọi là đặt ống bọng, ống cấp, thoát nước) của nguyên đơn để nguyên đơn canh tác nông nghiệp; Yêu cầu ông V.Th. bồi thường việc hủy hoại ống cống (ống cấp thoát nước) 740.000 đồng cho ông V.Tr. và chi phí tiền công cho việc đặt ống cống là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 2.240.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu 2.100.000 đồng như đơn khởi kiện; Theo đơn kiện các nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ những vụ lúa, tính theo năng suất trung bình 03 vụ lúa trước, mỗi vụ tương đương 14.000.000 đồng cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử mà phía nguyên đơn bị thiệt hại do hành vi cản trở của bị đơn, nhưng sau đó thay đổi yêu cầu, cụ thể: Yêu cầu bị

đơn bồi thường thất thu mùa vụ tương đương với tiền cho thuê đất hàng năm (tính từ 11/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm) là 11.200.000 đồng.

Bị đơn ông Dương V.Th. trình bày: Việc các nguyên đơn đặt ống bọng dẫn nước đi ngang phần đất của bị đơn đang quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Phần đất này năm 1990, mẹ ông V.Th. là bà Hồ Thị Năm đã làm tờ sang nhượng cho ông phần đất này gồm 3.000m^2, sau đó ông V.Th. bán cho ông Đắc với bà Chương 2.600m^2, phần còn lại ông đang quản lý và canh tác đến nay. Đối với phần đất này, ông chưa đăng ký thủ tục sang tên mà đứng tên trên giấy chứng nhận của ông Dương V.M., ông V.M. là em ruột của ông V.Th.. Việc phát sinh với các nguyên đơn là do khi đặt ống bọng đi ngang phần đất này các nguyên đơn không qua ý kiến của ông V.Th., nên ông V.Th. đã tháo ống bọng ra và để trên ruộng của ông V.Tr.. Ông V.Th. cho rằng ông không phá vỡ ống bọng của các nguyên đơn. Đối với yêu cầu của các nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Dương V.M. trình bày:*Đối với phần đất ông V.Tr. đặt đường ống bọng để dẫn nước là đất của cha mẹ ông và ông V.Th., mẹ ông V.M. cho đất các con nhưng ông V.M. vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả phần ông V.Th. được cho đất. Phần đất của ông V.Th. được mẹ cho là 3.000m^2, sau đó ông V.Th. bán cho ông Đắc và bà Chương 2.600m^2. Ông V.Th. vẫn còn hơn 200m^2 đất. Ông V.Th. vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vụ kiện giữa ông V.Tr. và ông V.Th. ông không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông V.M..

*Người làm chứng bà Nguyễn T.Th. trình bày:*Bà T.Th. có lãnh mão đặt ống bọng cho ông V.Tr., đã nhận tiền công 1.500.000 đồng, sau đó bà T.Th. thuê lại 5-6 người làm khoảng 5-6 giờ là xong việc. Mục đích để dẫn nước vô ra và chị cũng có ý định thuê đất của ông V.Tr. để canh tác. Thuê một năm 1.000m^2 là 20 dạ lúa, tương đương một dạ là 20kg, giá lúa 5.600 đồng/kg, tức 2.600m^2 diện tích đất x 1 năm = 5.600.000 đồng. Từ ngày 11/10/2020 đến nay gần 02 năm là 11.200.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 08/09/2022 của Tòa án nhân dân quận BT. đã tuyên như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần V.Tr., bà Nguyễn T.G. và bà Võ Thị H.Tr..

Buộc ông Dương V.Th. chấm dứt hành vi cản trở các nguyên đơn đặt đường dẫn nước.

Buộc ông Dương V.Th. bồi thường cho ông Trần V.Tr. 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền ống cấp thoát nước và chi phí tiền công đặt đường ống.

Buộc ông Dương V.Th. bồi thường 11.200.000 đồng cho các nguyên đơn tiền thất thu mùa vụ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, bị đơn ông Dương V.Th. kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần V.Tr. trình bày: Khi chuyển nhượng đất và làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất, nguyên đơn được các hộ lân cận ký giáp ranh, chỉ có mặt giáp đường đê bao không ký giáp ranh. Nay đất của nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu hợp pháp, thể hiện mặt tiền giáp đường, giáp kênh nên việc bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn đặt ống cấp, thoát nước vào đất canh tác là không đúng. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Dương V.Th. trình bày: Phần đất đường đê bao trước đây vào năm 1990, mẹ ông là bà Hồ Thị Năm chuyển nhượng cho ông V.Th. 3.000m^2, ông V.Th. đã chuyển nhượng hết 2.600m^2, phần còn lại ông chưa đăng ký thủ tục sang tên mà do ông Dương V.M. đang đứng tên trên giấy chứng nhận. Nay phần đất ông V.Tr. đặt đường ống dẫn nước nằm trên phần đất còn lại của ông V.Th., ông V.Tr. sử dụng đất mà không hỏi ý kiến của ông V.Th. nên ông đào đường ống lên vứt bỏ, ông không đồng ý bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung kháng cáo*: Trên cơ sở diễn biến tại phiên tòa và qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến trình bày của các đương sự. Xét thấy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị căn cứ khoản 1 điều 308 không chấp nhận nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Dương V.Th. thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét trên cơ sở nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường việc hủy hoại ống cống và chi phí tiền công cho việc đặt ống cống của nguyên đơn; Yêu cầu bị đơn bồi thường thất thu mùa vụ tương đương với tiền cho thuê đất hàng năm; Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc nguyên đơn đặt ống bọng để nguyên đơn canh tác nông nghiệp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở đặt đường dẫn nước" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn khi phát sinh tranh chấp thì diện tích đất nguyên đơn đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Nguyên đơn bà Nguyễn T.G. có quyền sử dụng đất diện tích 1.315,4 m^2 , thuộc thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS08084 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 02/10/2020; Nguyên đơn ông Trần V.Tr. và bà Võ Thị H.Tr. có quyền sử dụng đất diện tích 1.315,3 m^2 , thửa đất số 391, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS08002 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/9/2020. Đất tọa lạc tại khu vực TT., phường T.A.Đ., quận BT., thành phố Cần Thơ, hình thể các thửa đất giáp đường đi 4m là đến rạch điều này phù hợp với hiện trạng đất đang sử dụng.

Nguyên đơn cho rằng hai thửa đất số 471 và 391 tiếp giáp với đường đi là đất công cộng, sau đó đến rạch và nguyên đơn đã đặt đường dẫn nước để cấp thoát nước và canh tác lúa nhưng bị đơn đã đào ống thoát nước của các nguyên đơn lên làm cho đất của các nguyên đơn không canh tác được và thất thu mùa vụ, hủy hoại ống thoát nước của nguyên đơn.

Theo bị đơn cho rằng, trước đây mẹ của bị đơn là bà Hồ Thị Năm có cho bị đơn diện tích đất 3000m^2. Đến ngày 10/10/1990, bà Hồ Thị Năm và bị đơn Dương V.Th. cùng vợ là Trần Thị Thum đã xác lập "Tờ sang nhượng đất" diện tích 2.600m^2, thuộc tập đoàn 3, ấp Thới Hưng, xã T.A.Đ., thành phố Cần Thơ, cho ông Nguyễn Văn Đắc, bà Nguyễn Thị Chương, việc sang nhượng này lập giấy tay. Phần

đất còn lại hiện nay bờ bao thủy lợi bị đơn cho rằng là đất của bị đơn việc nguyên đơn đặt ống thoát nước qua đất của bị đơn mà không hỏi ý kiến của bị đơn nên bị đơn đã đào ống thoát nước lên để trên bờ đê và đã mất ống thoát nước. Từ các chứng cứ nêu trên và lời khai của nguyên đơn và bị đơn xác định các bên không tranh chấp phần diện tích đất phía nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ tranh chấp việc nguyên đơn đặt ống thoát nước qua bờ bao thủy lợi. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được giấy tờ chứng minh phần đất đang tranh chấp là của bị đơn nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Việc bị đơn và người liên quan cho rằng bờ bao thủy lợi là phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ số 00231 ngày 09/02/1995 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho Dương V.M. là không đúng vì theo lời khai của ông V.Th. tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 18/6/2021, đã cho rằng các thửa đất 471 và 391 là do ông chuyển nhượng cho ông Cao Ngọc Triều và ông Cao Ngọc Mới. Tại cấp phúc thẩm, ông V.Th. khai rằng vào ngày 10/10/1990, mẹ ông là Hồ Thị Năm cùng ông V.Th. và vợ là Trần Thị Thum đã xác lập "Tờ sang nhượng đất" diện tích 2.600m^2, thuộc ấp Thới Hưng, xã T.A.Đ., thành phố Cần Thơ, cho ông Nguyễn Văn Đắc, bà Nguyễn Thị Chương, sau đó thì ông Dương V.M. đã mua lại và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng lại cho ông Cao Ngọc Triều và ông Cao Ngọc Mới. Đến năm 2020, thì các nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng lại các thửa đất này. Như vậy, các thửa đất 471 và 391 không còn thuộc quyền sở hữu của ông Dương V.Th. và ông Dương V.M..

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tài sản tranh chấp ngày 08/7/2022 và theo Bản trích đo địa chính số: 08/TTKTTNMT ngày 14/01/2021, kết quả xác định: Mặt tiền các thửa đất 471 và 391 tiếp giáp với đường giao thông 4m là đến rạch để cấp, thoát nước không tiếp giáp thửa đất của ai khác. Xét thấy hiện trạng các thửa đất 471 và 391 qua thẩm định đo đạc thực tế là phù hợp với hình thể được thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Căn cứ theo Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: "Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm". Nhận thấy, phía nguyên đơn đã sử dụng ổn định đường ranh tiếp giáp với đường giao thông đến rạch, đặt ống thoát nước để canh tác; phần đường đi 4m ra đến rạch được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và phía nguyên đơn sử dụng từ khi được cấp giấy cho đến nay. Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 08/7/2022 và ngày 06/09/2022 thì bờ bao thủy lợi là do Ủy ban nhân dân phường T.A.Đ. quản lý và thực tế ở địa phương những hộ liền kề cũng được đặt đường dẫn nước để canh tác lúa.

Do đó, bị đơn cho rằng đất bờ bao kênh thủy lợi là của bị đơn là không có cơ sở. Xét bị đơn có hành vi đào ống để cấp, thoát nước vào đất của nguyên đơn lên đã

cản trở việc đặt đường dẫn nước canh tác và gây thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn, làm cho đất nguyên đơn không cấp, thoát nước được dẫn đến không thể canh tác, thất thu mùa vụ lỗi này thuộc về bị đơn nên phải bồi thường cho nguyên đơn.

Về trách nhiệm bồi thường: Cấp sơ thẩm căn cứ vào thiệt hại thực tế để buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường tiền cho ông V.Tr. chi phí mua ống cống (ống cấp, thoát nước) và chi phí tiền công cho việc đặt ống cấp, thoát nước là tổng cộng là 2.100.000 đồng; bồi thường thất thu mùa vụ tương đương với tiền cho thuê hai thửa đất nêu trên hàng năm ở địa phương (tính từ 11/10/2020 đến ngày 08/9/2022) là 11.200.000 đồng là có căn cứ.

Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V.Th. giữ nguyên bản sơ thẩm

[4] Về án phí dân sự:

Nguyên đơn ông Trần V.Tr., bà Nguyễn T.G., bà Võ Thị H.Tr. được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.102.000 đồng.

Bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí đo đạc định giá: Tổng cộng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nguyên đơn ông V.Tr. đã tạm ứng, bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn ông V.Tr. số tiền này

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương V.Th.;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần V.Tr., bà Nguyễn T.G. và bà Võ Thị H.Tr..

Buộc ông Dương V.Th. chấm dứt hành vi cản trở các nguyên đơn đặt đường dẫn nước.

Buộc ông Dương V.Th. bồi thường cho ông Trần V.Tr. 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền ống cấp thoát nước và chi phí tiền công đặt đường ống.

Buộc ông Dương V.Th. bồi thường 11.200.000 đồng cho các nguyên đơn tiền thất thu mùa vụ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về các chi phí thẩm định, đo đạt, định giá tài sản: Tổng cộng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nguyên đơn ông V.Tr. đã tạm ứng, bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn ông V.Tr. số tiền này

3. Về án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo diện người cao tuổi.

Nguyên đơn ông Trần V.Tr., bà Nguyễn T.G., bà Võ Thị H.Tr. được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.102.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Ông Dương V.Th. được miễn không phải nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q.BT.;
- THADS Q.BT.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bích Hải